

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11-11-2020

V/v: Tranh chấp Ly hôn và
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hùng

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dụ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H**, sinh năm 1989

Trú tại: Bản Páng, xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Vi Văn M**, sinh năm 1987

Trú tại: Bản Páng, xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quan Hóa từ ngày 03/11/2020. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2020; Bản tự khai ngày 30/7/2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn Hà Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vi Văn M đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với tại bản Páng, xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, cuộc sống vợ chồng đầm ấm, hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu năm 2019 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Anh Vi Văn M có sử dụng ma túy, ngày càng lệ thuộc vào chất ma túy, không quan tâm đến vợ con. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng tình hình vẫn không cải thiện được và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2020, chị đã về nhà bố mẹ đẻ để ở nhờ và nay chị không có thai nghén. Đến đầu tháng 11/2020 anh Vi Văn M trộm cắp tài sản và bị bắt tạm giam. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, để chị yên tâm làm ăn và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, chị và anh Vi Văn M có 02 con chung, tên các cháu là Vi Thị N, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Vi Tiến L, sinh ngày 22/4/2013, các cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực và đang ở với chị. Nguyên vọng của chị là muốn được người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu, cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị làm công nhân gần nhà mỗi tháng thu nhập khoảng gần 5.000.000đ và phụ cấp trong công tác phụ nữ tại thôn bản hơn 1.000.000đ. Anh Vi Văn M không có việc làm ổn định lại nghiện chất ma túy, nay đang bị tạm giam hình sự. Nên chị không yêu cầu anh Mai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu án phí sơ thẩm.

Tại bản lấy lời khai ngày 23/7/2020 của bị đơn Vi Văn M, anh khai:

Về Hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Hà Thị H về phần hôn nhân tình cảm, anh cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, anh vẫn còn yêu thương vợ con, mong muốn chị H suy nghĩ lại, quay về đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc con cái, nên anh không muốn ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung như chị Hằng đã trình bày, là cháu Vi Thị N và cháu Vi Tiến L, hiện tại các cháu đang ở với mẹ. Trường hợp phải ly hôn thì anh có nguyện vọng muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tùy theo khả năng của chị H, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 06/11/2020 anh trình bày: Hiện tại anh đang bị tạm giữ, tạm giam về hành vi “Trộm cắp tài sản” nên không thể tham gia phiên tòa được, anh Vi Văn M vẫn bảo lưu quan điểm trong bản lấy lời khai, không khiếu nại hoặc ý kiến gì về việc xét xử vắng mặt.

Tại bản trình bày nguyện vọng của cháu Vi Thị N và cháu Vi Tiến L, các cháu trình bày: Hiện tại các cháu đang ở với mẹ, các cháu đều đang đi học, nếu bố mẹ cháu mà ly hôn thì các cháu đều có muốn được ở với mẹ để thuận lợi cho việc học tập.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Vi Văn M từ khi thụ lý vụ án thì anh luôn có mặt tại địa phương và đã nhận được các văn bản tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, triệu tập để làm việc nhưng anh vẫn không thực hiện nghĩa vụ; triệu tập tham gia phiên tòa đã không chấp hành, lần thứ 2 thì mới có đơn xin xét xử vắng mặt. Như vậy, Bị đơn đã không thực hiện không tốt quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy: Vợ chồng chị Hà Thị H và anh Vi Văn M chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 7/2020 thì vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa anh Vi Văn M nghiện chất ma túy, đang được chính quyền địa phương theo dõi, đến tháng 11/2020 thì bị bắt tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị H và anh Vi Văn M có 02 con chung, tên các cháu là Vi Thị N, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Vi Tiến L, sinh ngày 22/4/2013, hiện tại các cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực, các cháu đang ở với mẹ, tại bản nguyện vọng thì các cháu đều muốn được ở với mẹ, chị Hà Thị H cũng muốn được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu; Anh Vi Văn M cũng có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu nhưng anh nghiện chất ma túy, nhân thân không tốt, đang bị tạm giữ, tạm giam nên không thể có thời gian và tài chính để chăm sóc các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị H và anh Vi Văn M không yêu cầu nên cần ghi nhận sự tự nguyện này. Tài sản chung, nợ nần chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 Điều 210, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 BLTTDS

Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 BLDS;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UNT-VQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị H:

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về yêu cầu nuôi con chung.

- Về Hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H ly hôn với anh Vi Văn M.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 cháu là Vi Thị N, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Vi Tiến L, sinh ngày 22/4/2013 cho chị Hà Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành; Không ai được ngăn cấm, cản trở anh Vi Văn M đi lại thăm nom con chung. Anh Vi Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Hà Thị H tự nguyện chịu án phí, nên chị phải nộp 300.000^d án phí theo quy định.

- Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

- Kiến nghị, đề nghị khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Vi Văn M có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Bản Páng, xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên, nên trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án, nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh cho các bên đương sự, cũng như VKS được biết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Vi Văn M không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Vi Văn M theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Vi Văn M đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải 02 lần nhưng anh Mai đều không đến để tham gia phiên hoà giải, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Vi Văn M đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do anh đang bị tạm giữ, tạm giam để điều tra về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Vi Văn M.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Hà Thị H là Nguyên đơn; anh Vi Văn M là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS. Bị đơn Vi Văn M đã được nhận thông báo thụ lý vụ án và các loại văn bản tố tụng của Tòa án; Anh M đã có mặt để lấy lời khai, nhưng triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt, khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa cũng đã vắng mặt lần thứ nhất, đến lần thứ hai thì anh có đơn xin xét xử vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương, thì anh Vi Văn M vẫn có mặt tại địa phương, nhưng trốn tránh không tham gia tố tụng khi Tòa án triệu tập, theo báo cáo của chính quyền địa phương thì anh Vi Văn M là đối tượng nghiện ma túy đã lâu và thuộc diện theo dõi, quản lý của Công an xã Phú Thanh. Xác minh tại Công an huyện Quan Hóa thì anh Vi Văn M đang bị tạm giữ, tạm giam để điều tra về hành vi trộm cắp tài sản từ ngày 03/11/2020. Do vậy, Bị đơn chấp hành chưa tốt quyền, nghĩa vụ được quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai của bị đơn, biên bản xác định mâu thuẫn và tại phiên tòa thì: Chị Hà Thị H và anh Vi Văn M kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 13/4/2009 tại UBND xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và Gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, anh Vi Văn M nghiện chất ma túy, không tu chí làm ăn, bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, chị đã về nhà bố mẹ đẻ để ở nhờ, nay chị H không còn tình cảm với anh M, không ai quan đến ai và hiện tại chị không có thai nghén. Việc này đã được chính quyền xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh Vi Văn M cho rằng, tình cảm vợ chồng chưa mâu thuẫn trầm trọng, anh đang còn yêu thương vợ con, mong chị H quy về đoàn tụ. Nay, chị Hà Thị H nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, HĐXX nhận thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh M nghiện chất ma túy. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Vi Văn M.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị H và anh Vi Văn M có 02 con chung, tên các cháu là Vi Thị N và cháu Vi Tiến L, hiện tại các cháu đang ở với mẹ. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, các cháu đang ở với mẹ, đồng thời các cháu đều có nguyện muốn được ở với mẹ, Tòa án cũng đã xác

minh điều kiện sống hiện tại của các cháu thì được biết cháu đang sống tốt, học tập tốt, chị Hà Thị H luôn có trách nhiệm với con và không bị cấm về quyền nuôi con, chị có thu nhập ổn định và là người làm công tác xã hội; Đồng thời, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày, cũng như sự phát triển của các cháu, nên chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị H, là giao 02 cháu: Vi Thị N, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Vi Tiến L, sinh ngày 22/4/2013 cho chị Hà Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Yêu cầu của anh M muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung, nhưng anh là người nghiện chất ma túy, đang bị tạm giam, không có thời gian và thu nhập ổn định, nên HĐXX không chấp nhận đề nghị này của anh. Chị Hà Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên chấp nhận đề nghị này, nên anh Vi Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vi Văn M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm. Anh chị đều có quyền yêu cầu đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 Điều 210, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H.

1.1. Về Hôn nhân: Cho Hà Thị H ly hôn với anh Vi Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01, ngày 13/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, cấp cho anh Vi Văn M và chị Hà Thị H không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Vi Thị N, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Vi Tiến L, sinh ngày 22/4/2013 cho chị Hà Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị H về việc anh Vi Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vi Văn M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt

của người con, khi cần thiết anh Vi Văn M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và chị Hà Thị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Chị Hà Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004321 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt Nguyên đơn, vắng mặt Bị đơn. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND xã Phú Thanh, H. Quan Hóa;
- Nguyên đơn Hà Thị H;
- Bị đơn Vi Văn M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

